

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56 /2022/DS -ST.

Ngày: 24-11-2022.

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hoài Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Ngô Công Bình

2/. Bà Bùi Thị Thu Thủy

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Khánh Huyền, Thư ký
Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải.

Trong ngày 24 tháng 11 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2022/TLST-DS, ngày 11 tháng 10 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2022/QĐXX- ST ngày 24 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2022/QĐST-DS, ngày 09 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1979

Địa chỉ: Khóm X, Phường Y, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện ủy quyền: Ông Lê Phương T sinh năm 1984, địa chỉ: khóm Y, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1971. vắng mặt

2. Bà Phan Thị Hoàng L, sinh năm 1976. vắng mặt

Cùng địa chỉ: Khóm Y, Phường X, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* Do giữa ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn Văn N cùng vợ là bà Phan Thị Hoàng L có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 01-3-2014 giữa ông K với vợ chồng ông N, bà L có giao dịch dân sự, cụ thể ông K có cho ông N, bà L vay số tiền 230.000.000đồng, mức lãi suất trong biên nhận không ghi nhận nhưng theo thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng, việc vay tiền này có làm biên nhận và vợ chồng ông N có giao cho ông K 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa

213, tờ bản đồ số 10 diện tích 149, 1m², đất tọa lạc tại khóm Y, thị trấn DH, huyện Duyên Hải tỉnh Trà Vinh (Nay là khóm Y, phường X, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh) do ông N và bà L đứng tên để làm tin. Ông N sau khi nhận tiền có đóng lãi cho ông K, nhưng sau đó không đóng lãi, dù nhiều lần ông K yêu cầu. Nay ông K yêu cầu vợ chồng ông N, bà L trả cho ông K số tiền gốc 230.000.000 đồng và tiền lãi là 100 tháng theo lãi suất là 0,83%/tháng : $230.000.000 \text{ đ} \times 0.83\% \times 100 \text{ tháng} = 190.900.000 \text{ đồng}$, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 420.900.000 đồng.

Phía bị đơn ông Nguyễn Văn N cùng vợ là bà Phan Thị Hoàng L kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án tiến hành tổng đạt cho ông N và bà L không có mặt tại địa chỉ khóm Y, phường X, thị xã DH, qua thông tin chính quyền địa phương cho biết ông N và bà L làm ăn thua lỗ nên đã bỏ nhà đi Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn và không còn liên lạc gì

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét thấy đơn khởi kiện của Nguyễn Văn K yêu cầu ông Nguyễn Văn N cùng vợ là bà Phan Thị Hoàng L thanh toán khoản nợ vay với số tiền 230.000.000 đồng và khoản tiền lãi được tính theo lãi suất 0,83%/tháng đây là quan hệ về tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét việc biên nhận vay được ký kết giữa ông K với ông N, bà L và ông K đã giao tiền cho vợ chồng ông N tại khóm Y, thị trấn DH, huyện Duyên Hải tỉnh Trà Vinh (Nay là khóm Y, phường X, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh) nên căn cứ vào Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải

[2] Xét việc ông Nguyễn Văn N cùng vợ là bà Phan Thị Hoàng L trước đây vào ngày 01-3-2014 có thực hiện biên nhận với ông Nguyễn Văn K về việc vay khoản tiền 230.000.000 đồng trong biên nhận này có ghi rõ địa chỉ ông N và bà L là ở khóm 1, thị trấn Duyên Hải, huyện Duyên Hải, Công an phường 1, thị xã Duyên Hải cũng xác nhận tại thời điểm ông N và bà L làm biên nhận vay tiền thì ông N và bà L đăng ký thường trú tại địa chỉ trên, sau đó ông N và bà L đi nơi khác làm ăn mà không báo cho ông K được biết theo điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án “*trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”*”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b

khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan”, do đó Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3] Xét việc Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn N cùng vợ là bà Phan Thị Hoàng L vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông N và bà L.

[4] Xét việc ông Nguyễn Văn K khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn N cùng vợ là bà Phan Thị Hoàng L phải trả cho ông K số tiền nợ gốc 230.000.000 đồng và khoản tiền lãi tính từ ngày 01-7-2014 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,83%/tháng là có căn cứ, bởi lẽ cơ sở mà ông K yêu cầu ông N và bà L trả khoản tiền này là biên nhận kiêm giấy vay tiền đề ngày 01-3-2014, nội dung biên nhận là ông Nguyễn Văn N cùng vợ là bà Phan Thị Hoàng L có vay và nhận khoản tiền 230.000.000 đồng và ông N và bà L có giao cho ông K 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 213, tờ bản đồ số 10 diện tích 149, 1m², đất tọa lạc tại khóm Y, thị trấn DH, huyện Duyên Hải tỉnh Trà Vinh (Nay là khóm Y, phường X, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh) do ông N và bà L đứng tên để làm tin theo biên nhận này thì ông K với ông N, bà L không ghi nhận lãi, ông K cho rằng mức lãi suất trước đây thỏa thuận miệng giữa ông K với ông N, bà L là mức lãi suất 3%/tháng, tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm ông K chỉ yêu cầu tính lãi theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự và thời gian tính lãi từ ngày 01-7-2014 đến ngày xét xử sơ thẩm 100 tháng là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử chấp thuận mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 10%/năm tương ứng 0,83%/tháng để tính khoản lãi mà ông N và bà L có nghĩa vụ trả cho ông K, thời gian tính lãi 100 tháng, số tiền lãi bằng: 0,83%/tháng x 100 tháng x 230.000.000 đồng = 190.900.000 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi ông N và bà L phải trả cho ông K bằng số tiền 420.900.000 đồng.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn N cùng vợ là bà Phan Thị Hoàng L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các khoản 3 Điều 26, Điều 40, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 466, 468, 469 Bộ luật dân sự.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K

Buộc ông Nguyễn Văn N cùng vợ là bà Phan Thị Hoàng L trả cho ông Nguyễn Văn K số nợ gốc 230.000.000 đồng và khoản tiền lãi tính từ ngày 01-7-2014 đến ngày 24-11-2022 theo mức lãi suất 0,83%/tháng bằng 190.900.000 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi ông Nguyễn Văn N cùng vợ là bà Phan Thị Hoàng L phải trả cho ông K với số tiền: 420.900.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành xong hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Buộc Nguyễn Văn N cùng vợ là bà Phan Thị Hoàng L phải chịu 20.836.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch

Ông Nguyễn Văn K không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do đó hoàn trả tiền tạm ứng án phí là: 10.5222.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009856, ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Chi Cục thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải cho ông K

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Duyên Hải;
- CCTHADS thị xã Duyên Hải;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hoài Quốc